

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-PT
Ngày 23 -11 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam

Ông Lại Văn Tùng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NĐ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 37/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam T, tỉnh NĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T; sinh năm 1972; địa chỉ: Phố C, xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh NĐ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Văn V; sinh năm 1966;

2. Bà Đoàn Thị Y; sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Phố C, xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh NĐ.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn V và bà Đoàn Thị Y là bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T, ông V, bà Y có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 01 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Đoàn Thị T trình bày:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2021, bà đến nhà vợ chồng ông V bà Y hỏi mua đất, ông V bà Y có nói với bà, bán lô đất chiều rộng 5m chiều dài 20m, đất trong sổ đỏ của ông V bà Y, còn mấy mét phía Tây cùng mua đất 115 của cầu Tranh không vào được sổ đỏ, bà có nói đúng ý bà cần mua; diện tích chuyển nhượng 100m² với giá 650 triệu đồng.

Lần thứ 2: Bà đến gia đình ông V bà Y thương lượng với giá 500 triệu đồng nhưng ông V bà Y không đồng ý bán.

Lần thứ 3: Bà đến gia đình ông V bà Y thương lượng thì ông V bà Y cho biết đúng giá 600 triệu đồng, bà trả giá 550 triệu đồng ông V không đồng ý.

Sau đó bà về bàn với các con và quyết định lấy mảnh đất và cầm 200 triệu đồng lên đặt cọc. Ngày 29-7-2021 bà đến nhà ông V bà Y giao đầy đủ 600 triệu đồng; ông V bà Y có ra lộ cho bà 10 triệu đồng để may mắn và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung hợp đồng do ông V bà Y đọc cho bà viết và bà đã ký vào hợp đồng chuyển nhượng.

Do nhận thức pháp luật hạn chế, nên đã lập hợp đồng tại gia đình mà không lập hợp đồng tại UBND xã cũng như tại Văn phòng công chứng. Thực tế hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay nhưng đã thể hiện ý chí của bên mua và bên bán. Quá trình làm thủ tục đo tách làm bìa đỏ, bà mới biết đất chuyển nhượng vợ chồng ông V giao không đúng như trong hợp đồng đã thỏa thuận, mà chỉ có 75m² đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), còn lại 25m² đất về phía Tây không được cấp sổ đỏ. Bà đã thanh toán đủ 590 triệu đồng cho ông V bà Y, hai bên đã đo đạc bàn giao đất cho nhau.

Nay bà khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Phạm Văn V bà Đoàn Thị Y ngày 29-7-2021. Xác định diện tích 100 m², nằm ở phía Nam thửa đất số 48, tờ bản đồ 11, xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh ND thuộc quyền sử dụng của bà.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là ông Phạm Văn V và bà Đoàn Thị Y trình bày:

Vợ chồng ông bà và bà Đoàn Thị T là người cùng phố, xã Nam H. Tháng 7 năm 2021 ông bà và Bà T có thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể là ông bà chuyển nhượng cho Bà T 100m² đất ở có chiều rộng là 5m chiều dài là 20m đã được cấp sổ đỏ, giá trị chuyển nhượng là 600 triệu đồng, nhưng ông bà bớt cho Bà T 10 triệu đồng để ra lộ, còn lại Bà T phải thanh toán là 590 triệu đồng. Bà T đã thanh toán đủ 590 triệu đồng, ông bà đã đo đạc bàn giao đất trên thực địa cho Bà T.

Do phần đất chuyển nhượng cho Bà T có phía đuôi là đất ông bà mua thêm vì thế trong hợp đồng chuyển nhượng có thỏa thuận thêm ngoài 100m² đất ở đã chuyển nhượng thì Bà T còn được sử dụng đất ông bà mua thêm.

Khi làm thủ tục tách thửa cho Bà T, ông bà mới biết là đất chuyển nhượng cho Bà T chỉ có 75m² đất được cấp sổ đỏ, diện tích còn lại 25m² đất về phía Tây ông bà vẫn sử dụng chưa được cấp sổ đỏ, nên không thể tách sổ đỏ cho Bà T như thỏa thuận ban đầu được. Khi chuyển nhượng đất cho Bà T chiều rộng 5m chiều dài 20m ông bà nghĩ đây là diện tích đất ở đã được cấp sổ đỏ, ông bà không rõ diện tích đất ở có trong sổ đỏ có chiều dài là bao nhiêu mét.

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà T, ông bà chỉ đồng ý giao cho Bà T 100m² trong đó có 75m² đất nằm trong sổ đỏ và 25m² đất còn lại không nằm trong sổ đỏ thanh toán bằng tiền.

* Ủy ban nhân dân xã Nam H, huyện Nam T cung cấp: Hộ ông V được UBND huyện Nam T giao quyền sử dụng đất có thu tiền từ trước năm 1995 tại Phố C, xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh ND. Quá trình sử dụng đất được biết vợ chồng ông V có chuyển nhượng cho Bà T 100m² đất về phía Nam thửa đất của vợ chồng ông V. Do các bên không đề nghị chính quyền địa phương chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên nội dung chi tiết hợp đồng chính quyền địa phương không nắm được.

Quá trình bàn giao và làm thủ tục sang tên cho Bà T thì các bên phát sinh tranh chấp, theo Bà T cho rằng diện tích chuyển nhượng trong hợp đồng là đất có trong sổ đỏ, nhưng thực tế vợ chồng ông V lại bàn giao cả đất chưa cấp sổ đỏ. Phần đất phía Tây của thửa đất tranh chấp là đường đi của xóm, nhưng thực tế dân cư khu vực này các hộ đều đã lấn chiếm toàn bộ đường phía Tây tiếp giáp đất nhà mình để sử dụng, trong đó có hộ ông V bà Y. Phần đất ông V bà Y bàn giao chuyển nhượng cho Bà T trên thực tế có bao gồm cả đất lấn chiếm phía Tây đất của ông V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam T, tỉnh ND đã quyết định.

Căn cứ Điều 35; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự; Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đoàn Thị T với ông Phạm Văn V và bà Đoàn Thị Y. Bà T có quyền sử dụng diện tích đất 100 m², thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 11 địa chỉ tại: Xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh ND; có vị trí như sau: Phía Đông giáp đường xóm dài 6,65 m, phía Tây giáp đường dài 6,65, phía Nam giáp đất ông Điều dài 15 m và phía Bắc giáp phần đất còn lại của ông V và bà Y dài 15m. Có sơ đồ kèm theo.

Bà T có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 ông Phạm Văn V và bà Đoàn Thị Y kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung ông bà không nhất trí cắt cho Bà T chiều rộng 6,65m chiều dài 15m. Theo hợp đồng chuyển nhượng, ông bà chỉ bán cho Bà T chiều rộng là 5m chiều dài là 20m; do chiều dài trong sổ đỏ của ông bà chỉ có 15m nên ông bà chỉ đồng ý bán cho Bà T chiều rộng là 5m và chiều dài là 15m diện tích là 75m² còn lại 25m² ông bà tự nguyện thanh toán trả lại tiền cho Bà T.

Tại phiên toà, Bà T giữ nguyên đơn khởi kiện và trình bày: Bà và ông V bà Y thoả thuận chuyển nhượng cho bà 100m² đất trong sổ đỏ, nên bà không nhất trí kháng cáo của ông V bà Y đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông V bà Y giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Ông bà thoả thuận chuyển nhượng cho Bà T 100m² đất có chiều rộng là 5m chiều dài là 20m trong sổ đỏ, nhưng khi làm thủ tục sang tên cho Bà T ông bà mới biết diện tích đất chuyển nhượng cho Bà T chỉ có chiều rộng là 5m chiều dài 15m diện tích 75m² nằm trong sổ đỏ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền lợi cho ông bà.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của ông V bà Y, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà T và ông V bà Y vô hiệu một phần đối với 25m² đất. Công nhận sự tự nguyện của ông V Bà T cắt thêm 0,4m chiều rộng so với thoả thuận trong hợp đồng, chiều dài giữ nguyên như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích chuyển nhượng là 81m² và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông Phạm Văn V và kháng cáo của bà Đoàn Thị Y:

[1] Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29 tháng 7 năm 2021 ông V bà Y và Bà T thoả thuận: Ông V bà Y chuyển nhượng cho Bà T 100m² đất trong sổ đỏ, ngoài 100m² trong sổ đỏ còn mảnh vuông về lối Tây cùng cũng thuộc về Bà T sử dụng. Tại mặt sau trang 2 của hợp đồng chuyển nhượng có ghi: Mảnh đất có vị trí phía Nam giáp bà Tuynh tức Điều, phía Đông giáp đường đi của xóm, phía Bắc giáp đất còn lại nhà ông V; chiều rộng 5m,

chiều dài 20m tổng 100m² trong sổ đỏ. Tại phiên toà và quá trình giải quyết vụ án ông V bà Y và Bà T đều trình bày hai bên thoả thuận ông V bà Y chuyển nhượng cho Bà T 100m² đất có chiều rộng là 5m, chiều dài 20m đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, khi giao dịch, lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hai bên đã thoả thuận diện tích chuyển nhượng 100m² có chiều dài 20m, chiều rộng 5m, đã xác định vị trí mảnh đất chuyển nhượng và thoả thuận diện tích chuyển nhượng được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông V bà Y. Ông V bà Y đã nhận đủ tiền, theo ông V trình bày khi ông đi làm thủ tục sang tên cho Bà T thì ông V bà Y mới biết diện tích đất thoả thuận theo hợp đồng chuyển nhượng chỉ có 75m² tương ứng với chiều dài 15m rộng 5m nằm trong GCNQSDĐ, còn 25m² ở phía Tây thửa đất không nằm trong GCNQSDĐ đất của ông V bà Y.

[2] Theo Ủy ban nhân dân xã Nam H cung cấp: Phần đất phía Tây của thửa đất tranh chấp là đường đi của xóm, nhưng thực tế dân cư khu vực này các hộ đều đã lấn chiếm toàn bộ đường phía Tây tiếp giáp đất nhà mình để sử dụng, trong đó có hộ ông V bà Y. Phần đất ông V bà Y bàn giao chuyển nhượng cho Bà T trên thực tế có bao gồm cả đất lấn chiếm phía Tây đất của ông V.

[3] Như vậy, ông V bà Y đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà T cả phần đất ông V bà Y lấn chiếm đường đi của xóm, tại phiên toà ông V bà Y trình bày đã mua phần đất lấn chiếm nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông V bà Y đều trình bày thực tế ông bà không biết được thửa đất số 48 tờ bản đồ số 11 được cấp GCNQSDĐ có chiều dài là bao nhiêu mét vì trong sổ đỏ không thể hiện mà ông bà chỉ biết được cấp sổ đỏ diện tích là 180m², khi tiến hành làm thủ tục sang tên cho Bà T thì ông bà mới biết.

[4] Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V bà Y với Bà T ngày 29-7-2021 bị vô hiệu một phần đối với diện tích đất không được cấp GCNQSDĐ là 25m² có vị trí phía Tây thửa đất theo quy định tại Điều 123, 126 BLDS; còn 75m² đất chuyển nhượng cho Bà T nằm trong GCNQSDĐ đứng tên ông V bà Y vẫn có hiệu lực pháp luật.

[5] Tuy nhiên, căn cứ vào Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh ND quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa các loại đất trên địa bàn tỉnh ND thì đối với 75m² đất Bà T nhận chuyển nhượng của ông V bà Y không đủ để tách thửa.

[6] Tại phiên toà, ông V bà Y tự nguyện cắt cho Bà T chiều rộng thêm 0,4m và chiều dài giữ nguyên như được cấp trong GCNQSDĐ là 15m nên diện tích chuyển nhượng cho Bà T là 81m² bảo đảm đủ diện tích tách thửa cho Bà T, nhưng Bà T phải thanh toán giá trị 6m² theo giá đất đã định giá là 6.000.000đồng/m² là 36.000.000đồng, còn 25m² đất bị vô hiệu đề nghị giải quyết hậu quả vô hiệu. Xét thấy, việc tự nguyện của ông V bà Y phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận và xác định Bà T được quyền sử dụng

81m² đất có chiều dài là 15m chiều rộng là 5,4m tại thửa số 48 tờ bản đồ số 11 địa chỉ thửa đất: Xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh ND. Có vị trí phía Bắc giáp đất ông V bà Y, phía Nam giáp đất ông Điều, phía Đông giáp đường, phía Tây giáp đường đi của xóm và Bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông V bà Y là 36.000.000đồng.

[7] Về giải quyết hậu quả việc chuyển nhượng 25m² đất bị vô hiệu: Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 29-7-2021 thì giá chuyển nhượng 100m² là 590 triệu đồng nên 1m² chuyển nhượng có giá trị là 5.900.000đồng; giá trị 25m² là 147.500.000đồng. Theo giá Hội đồng định giá 1m² đất tranh chấp tại thời điểm giải quyết vụ án là 6.000.000đồng/m² nên giá trị 25m² là 150 triệu đồng. Căn cứ Điều 131 Bộ luật Dân sự Bà T trả lại 25m² đất cho ông V bà Y nhưng do 25m² đất này do ông V bà Y lấn ra đường đi của xóm nên vợ chồng ông V không được quyền quản lý sử dụng trừ khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai tại địa phương giao đất cho ông V bà Y được quyền quản lý sử dụng, còn ông V bà Y phải trả lại 150.000.000đồng cho Bà T.

[8] Xét mức độ lỗi khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng Hội đồng xét xử thấy, ông V Bà T là chủ sử dụng đất nhưng không biết cụ thể kích thước, vị trí đất được cấp GCNQSDĐ là bao nhiêu nên xác định mức độ lỗi của ông V bà Y là 70%; Bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không tìm hiểu cụ thể diện tích đất chuyển nhượng nên cũng phải chịu mức độ lỗi là 30%. Thiệt hại được xác định là 150.000.000đồng - 147.500.000đồng = 2.500.000đồng. Ông V bà Y và Bà T phải chịu thiệt hại theo mức độ lỗi, cụ thể là ông V bà Y phải chịu thiệt hại là 1.750.000đồng; Bà T phải chịu thiệt hại là 750.000đồng. Do vậy, ông V bà Y phải thanh toán cho Bà T là 150.000.000đồng - 750.000đồng = 149.250.000đồng.

[9] Do Bà T còn phải thanh toán cho ông V bà Y 6m² đất trị giá là 36.000.000đồng nên số tiền ông V bà Y còn phải thanh toán cho Bà T là 149.250.000đồng - 36.000.000đồng = 113.250.000đồng.

[10] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V bà Y và sửa bản án sơ thẩm.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V bà Y không phải nộp, hoàn lại cho ông V bà Y số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Bà T được chấp nhận một phần nên Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Ông V bà Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.662.500đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Điều 116, Điều 123, 126, 129, 131 Bộ luật Dân sự; Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn V và kháng cáo của bà Đoàn Thị Y. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

3. Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa bà Đoàn Thị T với ông Phạm Văn V và bà Đoàn Thị Y có hiệu lực pháp luật.

Xác định bà Đoàn Thị T được quyền sử dụng đất 81m² thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 11 địa chỉ thửa đất tại: Xã Nam H, huyện Nam T, tỉnh ND; có vị trí: Phía Đông giáp đường được nối từ điểm 1 đến điểm 2 dài 5,4 m, phía Tây giáp đường được nối từ điểm 4 đến điểm 5 dài 5,4m, phía Nam giáp đất ông Điều được nối từ điểm 2 đến điểm 3 dài 10,2m và nối từ điểm 3 đến điểm 4 dài 4,8m trong đó điểm 2 cách móng nhà ông Điều 10cm; điểm 4 tiếp giáp với chân tường bao, phía Bắc giáp phần đất của ông V và bà Y được nối từ điểm 1 đến điểm 5 dài 15m. Có sơ đồ kèm theo.

Bà T có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ông V bà Y có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 48 tờ bản đồ số 11 theo quyết định của bản án.

4. Buộc ông V và bà Y phải thanh toán cho Bà T là 113.250.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành đối với số tiền phải thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V và bà Y không phải nộp, hoàn trả lại cho ông V và bà Y số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004684 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam T, tỉnh ND.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004595 ngày 31-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam T, tỉnh ND. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông V bà Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.662.500đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ND;
- TAND huyện Nam T;
- Chi cục THADS huyện Nam T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu